TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **428**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ VIỆC XÉT ĐƠN
YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 368/2026/TLST-VHNGĐ ngày 23/03/2026, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình:

- Anh Phan Tiến S, sinh năm 1995, CCCD số: 042095012939,

- Chị Lê Thị Lan T, sinh năm 1995, CCCD số: 042195016791,

Cùng HKTT+cư trú: Căn hộ 2116, tòa SA1 – V, phường T, Thành phố Hà Nội.

Xét thấy: Ngày 23/03/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội, thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình cho vợ chồng anh Phan Tiến S và chị Lê Thị Lan T. Sau khi nhận thông báo thụ lý và được Tòa án giải thích, anh Phan Tiến S và chị Lê Thị Lan T, nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn và vợ chồng đã tự hòa giải được mâu thuẫn với nhau. Vì vậy anh S, chị T có đơn đề nghị được rút yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 48; Điểm c Khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 368/2026/TLST-VHNGĐ ngày 23/03/2026, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*.

Điều 2. Trả lại đơn yêu cầu và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Phan Tiến S và chị Lê Thị Lan T.

Về lệ phí: Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền: 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm, chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố H *(biên lai số 0006739 ngày 20/03/2026).*

Điều 3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

THẨM PHÁN

Lê Thị T1